

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGS-ST

Ngày 12-12-2022

V/v "Tranh chấp

Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Dương Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 31/8/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn ngày 04/11/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Từ tháng 4/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, anh T không tu chí làm ăn nợ nần nhiều. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng anh T vẫn không cải thiện. Từ tháng 4/2022 cho đến nay chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/9/2014; Nguyễn Thị Khánh Linh, sinh ngày 13/7/2016 và Nguyễn Đức Tâm, sinh ngày 02/12/2018. Từ khi sinh ra các con chung sống cùng chị, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các cháu ở với chị được học hành phát triển bình thường. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm kinh doanh tự do tại nhà, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 25.000.000 đồng, chị ở nhà bố mẹ đẻ có nhà đất riêng đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho các cháu học hành phát triển bình thường. Anh T không tu chí làm ăn, không có nghề nghiệp, không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Đức T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T vắng mặt chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử,

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/9/2014; Nguyễn Thị Khánh Linh, sinh ngày 13/7/2016 và Nguyễn Đức Tâm, sinh ngày 02/12/2018. Vấn đề cấp dưỡng chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Đức T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức T có nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Y vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Y và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh T về ở với nhau một thời gian thì đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, anh T không tu chí làm ăn nợ nần nhiều. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng anh T vẫn không cải thiện. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Y xác định hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án tiến hành hòa giải thông báo cho anh T biết nhưng anh T cũng không lên để Tòa án hòa giải về quan hệ vợ chồng.

Mặt khác, tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị Y, anh T có mâu thuẫn. Do vậy, xét mâu thuẫn của chị Y, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/9/2014; Nguyễn Thị Khánh Linh, sinh ngày 13/7/2016

và Nguyễn Đức Tâm, sinh ngày 02/12/2018. Từ khi sinh ra các con chung sống cùng chị, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các cháu ở với chị được học hành phát triển bình thường. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y trình bày có chỗ ăn ở, có thu nhập, có đủ thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng 03 con chung. Anh T không có ý kiến gì về việc nhận nuôi dưỡng con chung của chị Y. Tại bản tự khai cháu Tài, cháu Linh có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Tài, Linh, Tâm. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Y xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Tài, sinh ngày 05/9/2014; Nguyễn Thị Khánh Linh, sinh ngày 13/7/2016 và Nguyễn Đức Tâm, sinh ngày 02/12/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006549 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành

án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

